TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 02 - 4 - 2018.
V/v: Tranh chấp về hôn nhân gia đình giữa chị H và anh Th

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hằng.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Văn Tiến
2. Bà Phạm Hồng Thiêm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Khuông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh Hải - Kiểm sat viên

Trong ngày 02 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 54/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018 về việc kiện xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H sinh năm 1990; (*có đơn xin xét xử vắng mặt)*

Hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: Xóm 2, xã V, huyện K, Tỉnh Thái Bình

Bị đơn: Anh Lê Văn Th sinh năm 1995;(*có đơn xin xét xử vắng mặt*)

Hộ khẩu thường trú:Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Người phiên dịch cho anh Th: bà Đoàn Thị Ch sinh năm 1968

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. *(có đơn xin xét xử vắng mặt)*

Người phiên dịch cho chị H: bà Đỗ Thị Nh sinh năm 1968

Địa chỉ: Xóm 2, xã V, huyện K, Tỉnh Thái Bình *(có đơn xin xét xử vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện,tại biên bản ghi lời khai, tại các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Th đều bị câm điếc, anh chị quen biết nhau tại trường học câm điếc, nên hiểu được ngôn ngữ và hoàn cảnh của nhau. Đến 20/3/2014, chị và anh Th tự nguyện cùng bố mẹ đẻ hai bên gia đình đến

Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình để đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm, chị đã về gia đình bố mẹ đẻ để sống ly thân với anh Th từ tháng 5/ 2017 đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh Th.

Về quan hệ con chung: Chị và anh Th có 01 con chung là Lê Thị Khánh L sinh ngày 29/01/2015. Ly hôn chị xin nhận nuôi con và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con vì chị làm công nhân tại công ty may tư nhân ngay tại huyện K đủ đảm bảo điều kiện nuôi con.

Về quan hệ tài sản và nợ chung: Chị và anh Th không có tài sản gì chung, không vay mượn tài sản của ai và không có tài sản gì cho ai vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, tại các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án bà Đỗ Thị Nh là mẹ đẻ của chị Phạm Thị H trình bày:

Bà xác định chị H bị điếc bẩm sinh dẫn đến việc không nghe được nên bị câm, chị H vẫn khỏe mạnh bình thường, được gia đình cho học tại trường câm điếc, bà Nh hiểu cử chỉ của chị H và đồng ý làm phiên dịch cho chị H tại Tòa án, về điều kiện kết hôn, mâu thuẫn trong hôn nhân, con chung Lê Thị Khánh L và không có tài sản chung giữa chị H và anh Th là có thật. Chị H đã về sống tại gia đình bà để sống ly thân với anh Th. Bà đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của chị H để giải quyết cho chị H được ly hôn với anh Th, chấp nhận cho chị H được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Tại biên bản ghi lời khai, đơn xin xét xử vắng mặt, bà Đoàn Thị Ch là mẹ đẻ bị đơn anh Lê Văn Th trình bày:

Anh Th bị câm điếc bẩm sinh, anh Th khỏe mạnh, lao động tốt, gia đình bà cho đi học tại trường câm điếc và quen biết chị H, anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 20/3/2014, đã có 01 con chung là Lê Thị Khánh L sinh ngày 29/01/2015. Bà xác định giữa chị H và anh Th không có tài sản chung, không vay nợ chung ai và không có tài sản gì cho ai vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi kết hôn hai anh chị đều làm công nhân tại Công ty may tại huyện K bên nhà chị H. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do gia đình chị H muốn anh Th ở rể nhưng anh Th không đồng ý dẫn đến cả hai đã sống ly thân từ tháng 5/2017 đến nay. Anh Th đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên hòa giải và kiểm tra chứng cứ nhưng anh Th không đến Tòa án làm việc do bận công việc, Anh Th và chị H đều khỏe mạnh nên bà đề nghị Tòa án xem xét về tình trạng hôn nhân để giải quyết. Chị H xin nhận nuôi con Khánh L thì bà đề nghị anh Th và gia đình bà không cấp dưỡng nuôi con.

Tại biên bản xác minh tại chính quyền địa phương vào ngày 16/3/2018 cung cấp: Anh Th và chị H có đăng ký kết hôn tại xã Tvào ngày 20/3/2014.Thời

điểm đăng ký kết hôn anh chị hoàn toàn khỏe mạnh, bị câm điếc, có giấy xác nhận khuyết tật về ngôn ngữ, có 01 con chung là Lê Thị Khánh L sinh năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm:

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều: 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị H được ly hôn anh Th; giao cho chị H trực tiếp nuôi dạy con chung Lê Thị Khánh L, không đặt giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Th tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 20 tháng 3 năm 2014 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình (*Giấy chứng nhận kết hôn số 20 quyển sổ số 01/2014*) là hôn nhân hợp pháp.

[2] Sau khi kết hôn, cả hai sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn là có thật. Căn cứ vào lời khai của bà Nh và bà Ch là mẹ đẻ của chị H và anh Th đều xác định nguyên nhân do chị H và anh Th có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các đơn xin xét xử vắng mặt, chị H vẫn cương quyết xin ly hôn anh Th vì chị thấy tình cảm vợ chồng không còn. Anh Th đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án nhưng anh không đến Tòa án để Tòa án tiến hành hòa giải cho anh và chị H đoàn tụ, chứng tỏ anh không cố gắng hàn gắn cuộc hôn nhân này. HĐXX thấy rằng tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không thể kéo dài. Vì vậy, HĐXX cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị H được ly hôn anh Th.

[3] Về quan hệ con chung: Chị H và anh Th có 01 con chung là Lê Thị Khánh L, sinh ngày 29/01/2015. Xét yêu cầu nhận nuôi con của chị H thì thấy chị H nhận trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng, anh Th không đến Tòa án làm việc để bảo vệ cho quyền và nghĩa vụ của mình, mặt khác bà Nh xác định chị H làm công nhân may đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu L, vì vậy cần giao con Lê Thị Khánh L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết. Anh Th có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn mà không

ai có quyền cả trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng được đặt ra khi một trong hai bên có yêu cầu.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Chị H xác định không có tài sản gì chung, không vay mượn tài sản của ai và không có tài sản gì cho ai vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Chị H là người khuyết tật nên thuộc trường hợp được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Lê Văn Th

2. Về quan hệ con chung: Chị H và anh Th có 01 con chung là Lê Thị Khánh L, sinh ngày 29/01/2015. Xử giao con Lê Thị Khánh L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Th có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn mà không ai có quyền cả trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng được đặt ra khi một trong hai bên có yêu cầu.

3. Về quan hệ tài sản và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị H được miễn nộp án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh Th đều vắng mặt tại phiên tòa, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận dược bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã T;
huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Hằng